

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-PT

Ngày: 21-12-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán:

Ông Nông Hà Nam

Ông Ngôn Ngọc Viên

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Lục Văn Phách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Văn T – sinh năm 1967. Có mặt

Bà Nông Thị H – sinh năm 1975. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Xóm V, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư N và Luật sư Trần Ngọc L – Văn phòng Luật sư N, Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: số nhà 49, tổ 12, phường S, T phố C, tỉnh Cao Bằng. (Luật sư N và Luật sư L có mặt).

- Bị đơn: Bà Ngân Thị N – sinh năm 1938. Có mặt

Địa chỉ: Xóm V, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Văn ĐG – sinh năm 1971. Có mặt

Địa chỉ: Xóm V, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

- Người làm chứng:

1. Ông Nông Văn P

2. Ông Nông Ngọc TH
3. Ông Lương Văn TG
4. Ông Lương Cảnh LC

Địa chỉ: Xóm V, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. (Những người làm chứng đều vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lương Văn T, Nông Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2020, bản tự khai ngày 05/02/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Lương Văn T và Nông Thị H trình bày:

Về quan hệ, giữa chúng tôi là cháu và bà Ngân Thị N là thím. Năm 2008, gia đình chúng tôi có mua một mảnh đất với bà Ngân Thị N, việc mua bán có lập giấy tờ và có người làm chứng. Đất của bà N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại thửa 243, tờ bản đồ số 9, diện tích 427,0m² được Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 01/12/2007 đứng tên Ngân Thị N. Thửa đất này gồm một phần là vườn, một phần là nền nhà của bà N, nhà bà N đã dỡ từ năm 2006. Sau khi mua, gia đình tôi đã quản lý, sử dụng ổn định từ 2008 cho đến nay, năm 2013 bà Ngân Thị N lại chuyển nhượng số diện tích đất vườn trong thửa 234 cho anh ĐG, tức là một phần đất thửa 243 được bà N bán hai lần. Nay chúng tôi yêu cầu được sử dụng toàn bộ thửa đất 243, tờ bản đồ số 9, diện tích 427,0m².

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Ngân Thị N trình bày: Năm 2006, tôi (N) phá ngôi nhà cũ tại xóm V, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Đến năm 2008, tôi có bán cho cháu T một mảnh đất giáp ranh: Bờ ao, nương, thổ công, giáp nhà cháu ĐG và có bức tường nhà ngăn giữa vườn và đất nhà ở. Lúc bán đất không đo, tôi chỉ bán phần đất vườn với giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Năm 2013, tôi chuyển nhượng cho cháu Lương Văn ĐG phần đất nhà ở cũ đã phá đi, có diện tích khoảng 150m². Trên giấy tờ ghi 300m² chỉ ước chừng không đo. Tôi đề nghị Tòa giải quyết đất vườn là của cháu T, còn đất nền nhà ở là cho cháu ĐG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn ĐG trình bày: Vào năm 2013 bà Ngân Thị N làm giấy tờ nhượng đất cho tôi (ĐG) một mảnh đất nền nhà, hiện nay còn có bức tường nhà ngăn giữa vườn và đất nhà ở khi làm giấy tờ có ông Nông Văn Th và ông Lương Văn TG là người làm chứng. Nay tôi yêu cầu được sử dụng phần đất nhà ở, anh Lương Văn T được sử dụng phần đất vườn.

Người làm chứng ông Lương Cảnh LC (bố anh T, anh ĐG) khai: Ông là bố đẻ của anh T, anh ĐG. Tôi (LC) có biết việc bà N bán vườn cho vợ chồng anh T, lúc đó mọi người làm giấy tờ mua bán tại nhà của tôi. Sau khi bà N bán phần đất nền nhà (trước đây là tặng cho anh ĐG, nhưng sau đó vợ chồng anh T đến tranh chấp bà N mới làm giấy tờ mua bán cho ĐG với giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Từ đó tôi và vợ chồng anh ĐG vẫn quản lý, canh tác phần đất tranh chấp. Sau khi vợ chồng anh ĐG đi miền Nam, nghĩ anh T cũng là con nên tôi không

ngăn cản việc vợ chồng anh T trồng chuối trên phần đất tranh chấp. Hai cây Nghiến trên đất tranh chấp là do tôi trồng, còn 01 bụi tre sát đường do các cụ trồng từ ngày xưa, trồng từ bao giờ tôi không biết nhưng gia đình tôi vẫn quản lý, sử dụng bụi tre này, ở đằng sau vườn, sát bờ mương cũng có 01 bụi tre hiện nay không còn, đồng thời đề nghị Tòa xét xử vắng mặt.

Người làm chứng ông P khai: Tôi (P) không có quan hệ họ hàng và không có mâu thuẫn với các bên tranh chấp. Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của bà Ngân Thị N. Tôi là người trực tiếp lập biên bản bán đất ngày 13/01/2008 lúc làm giấy tờ mua bán bà N nói chỉ bán đất vườn cho vợ chồng anh T là chỗ anh em nên tôi chỉ cần viết giấy như thế là đầy đủ. Lúc lập giấy tờ mua bán ở cuối vườn, sát bờ mương (phần đất bà N bán cho anh T) có 01 bụi tre, hiện nay đã không còn. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người làm chứng ông TG khai: Tôi (TG) không có quan hệ họ hàng không có mâu thuẫn với các bên tranh chấp. Ngày 13/01/2008 tôi có được làm chứng việc mua bán đất của bà N với anh T. Lúc đó bà Nội chỉ bán phần đất vườn, đằng sau cũng có 01 bụi tre, không bán phần đất nền nhà khi đó bà N vẫn đang sinh sống ngôi nhà của bà Nội, lúc đó chưa tháo dỡ. Theo ông, đất vườn là của vợ chồng chị H, còn đất nền nhà là của anh ĐG. Do đã khai đầy đủ nên tôi đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người làm chứng ông Nông Ngọc TH khai: Tôi (TH) không có quan hệ họ hàng và không có mâu thuẫn với các bên tranh chấp. Tôi được biết phần đất vườn bà N đã bán cho vợ chồng T, nền nhà bán cho vợ chồng anh ĐG. Cuối phần vườn bà N đã bán cho anh T có 01 bụi tre, sát bờ mương hiện nay đã không còn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 129 Bộ luật dân sự 2015; điểm b2, tiểu mục 2.3 mục 2 Nghị quyết số 02/2004/HĐTP/TANDTC; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Văn T, Nông Thị H, trú tại: Xóm V (N cũ), xã Đ (xã C cũ), huyện K, tỉnh Cao Bằng về việc yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng 245m² đất. Anh ĐG là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền quản lý và sử dụng 245m² đất theo biên bản xem xét thẩm định ngày 28/5/2020 (có sơ đồ vị trí khu đất đang tranh chấp kèm theo).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh ĐG là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp GCNQSDĐ đối với diện tích chưa được cấp bìa đỏ và diện tích mà bà Ngân Thị N chuyển nhượng cho anh.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/8/2021 nguyên đơn Lương Văn T, Nông Thị H có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Lương Văn T giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo để buộc bà N phải công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T bà N.

Bị đơn bà Ngân Thị N trình bày: bà yêu cầu Tòa án công nhận phần đất vườn là của anh T, chị H còn phần đất nền nhà là của anh ĐG.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, và thực tế việc chuyển nhượng có xảy ra, nhưng Tòa án chưa xem xét đến hợp đồng cũng như hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó và việc chuyển nhượng có đúng pháp luật hay không không? Sử dụng biên bản thẩm định ngày 28/5/2020 là không chính xác bởi biên bản thẩm định đó chỉ thẩm định phần đất tranh chấp giữa chị H và anh ĐG, lẽ ra phải thẩm định lại toàn bộ quyền sử dụng đất trong hợp đồng chuyển nhượng vì N dung đơn yêu cầu công nhận toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng. Trong hồ sơ vụ án không có việc thẩm định nhưng lại buộc nguyên đơn chịu chi phí thẩm định. Anh ĐG không có yêu cầu độc lập nhưng Tòa lại tuyên cho anh ĐG được quyền sử dụng đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Sử dụng lời khai của người làm chứng được thu thập trước khi Tòa thụ lý là vi phạm thủ tục tố tụng, T phần Hội đồng xét xử trong biên bản phiên tòa và trong bản án có sự khác nhau. Từ những vi phạm nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử Hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Thủ tục tố tụng và xác nhận chứng cứ sai do thẩm phán không thu thập:

1. Đơn khởi kiện của ông Lương Văn T, Nông Thị H ngày 6/11/2020 Yêu cầu khởi kiện Công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chúng tôi với vị đơn N, đối với thửa đất 243, tờ bản đồ số 9, diện tích 427m² có địa chỉ Vĩnh Quang (Nà Quang Cũ) xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Chúng tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 243 từ năm 2008. Việc chuyển nhượng đã được lập T văn bản “Giấy bán vườn” giấy bán vườn không có nội dung trái pháp luật quy định nhất là giấy bán vườn ghi rõ “Bán vườn này phía ĐG giáp nhà ông ĐG” tức là thửa 243 có phía ĐG giáp nhà đất chú ĐG, còn giấy nhượng đất bà N với ĐG không rõ ràng đầy đủ, có sự gian dối trái pháp luật.

2. Biên bản hòa giải ngày 4/5/2020 ông T trình bày tôi yêu cầu Tòa án công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình tôi và bà Ngân Thị N. Nhưng bản án không xem xét về công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng hay sai pháp luật. Chỉ xem về tranh chấp nhưng cũng không xem xét cụ thể về diện tích trong GCNQSDĐ 427m² bà N đã bán cho vợ chồng tôi Nông Thị H, Lương Văn T năm 2008 sau đó ngày 30/7/2013 lại bán cho Lương Văn ĐG 300m².

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 633665 cấp ngày 01/12/2007 cho bà Ngân Thị N thửa số 243 tờ bản đồ 09 diện tích 427m², mục đích đất ở nông thôn (kèm theo sơ đồ).

Việc không giải quyết theo yêu cầu khởi kiện là vi phạm khoản 1 Điều 5 Bộ Luật tố tụng dân sự *“1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó.”*

Không xác định cụ thể việc chuyển nhượng giữa bà N với ông T, bà H và chuyển nhượng cho ông ĐG năm 2013 là vi phạm Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự: *“Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp”*.

3. Về thẩm định tại chỗ: Biên bản thẩm định trước thời điểm làm đơn khởi kiện 6 tháng. Đơn khởi kiện ngày 06/11/2020 thụ lý vụ án ngày 27/11/2020.

Trong hồ sơ và trình bày tại phiên tòa không có đơn yêu cầu thẩm định của đương sự, vi phạm Điều 101 BLTTDS. Kết quả thẩm định về trích LC thửa đất khác nhau so với sơ đồ ghi trong GCNQSDĐ của bà Ngân Thị N đã đưa cho gia đình ông T giữ nhưng Tòa án sơ thẩm không yêu cầu giải thích của UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về chi phí thẩm định 2.000.000đ, bản án sơ thẩm đã ghi chi hết nhưng hồ sơ không thể hiện chi cho ai, chi cho những việc gì.

4. Vi phạm về lấy lời khai nhân chứng:

Vụ án thụ lý ngày 27/11/2020 nhưng các biên bản lấy lời khai nhân chứng trước 6 tháng, cụ thể:

- Biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2020 (BL 47-52) lời khai của ông Lương Văn TG.

- Biên bản lấy lời khai ngày 9/6/2020 Dương Thị HN
- Biên bản lấy lời khai ngày 9/6/2020 Lương Cảnh LC
- Biên bản lấy lời khai ngày 9/6/2020 Nông Văn P
- Biên bản lấy lời khai ngày 9/6/2020 Nông Ngọc TH
- Biên bản xác minh ngày 13/8/2020 Nông Văn S

5. Ban hành bản án:

Bản án giao cho Viện kiểm sát nhân dân huyện K số 08/2021/DS-ST ngày 22/7/2021 Hội thẩm nhân dân là ông Hoàng Văn X và Phương Văn T nhưng bản án gửi theo hồ sơ kháng cáo Hội thẩm nhân dân là Mã Thị H và Ngôn Thị L như vậy vi phạm Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, mặc dù Viện kiểm sát trao đổi với thẩm phán nhưng không sửa chữa bổ sung.

Với những vi phạm nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện và quá trình hòa giải tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T và bà N đối với thửa 243, tờ bản đồ số 9, diện tích đất là 427m² có địa chỉ V (N cũ) xã Đ, huyện K tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết đúng N dung yêu cầu khởi kiện của đương sự là vi phạm Điều 5 BLTTDS.

“1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó.

....”

Trong vụ án này đương sự yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá nhận định đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn để làm rõ hợp đồng chuyển nhượng này có hiệu lực pháp luật hay không? nếu vô hiệu thì phải giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu...

Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào một số chứng cứ khác và lời khai của người làm chứng để bác yêu cầu của đương sự về việc đòi quyền sử dụng đất như vậy là giải quyết không đúng yêu cầu của đương sự, mặt khác những người làm chứng này lại được lấy lời khai trước khi thụ lý vụ án, và họ là người làm chứng trong vụ án thụ lý số 01/TLST-DS ngày 13/1/2020, việc cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ như vậy là vi phạm Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự *“Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp.”*

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn sử dụng biên bản thẩm định tại chỗ của một vụ án khác, được thẩm định trước thời điểm thụ lý vụ án để giải quyết trong vụ án là vi phạm Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều nhất trí với kết quả tại biên bản thẩm định ngày 28/5/2020 tuy nhiên người tham gia tố tụng thẩm định không đúng đối tượng (*nguyên đơn chỉ có bà Nông Thị H, bị đơn là ông Lương Văn ĐG*) không có sự tham gia của bà N là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất và là bị đơn trong vụ án, kết quả thẩm định trong vụ án đó chỉ thẩm định diện tích tranh chấp, chưa xem xét thẩm định rõ toàn bộ diện tích chuyển nhượng cho anh T cụ thể bao nhiêu m², chuyển nhượng cho anh ĐG bao nhiêu m². Do đó dù các bên đương sự có đồng ý với kết quả thẩm định ngày 28/5/2020 thì cấp sơ thẩm cũng không thể sử dụng biên bản thẩm định này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Trong quá trình thụ lý vụ án, cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định tại chỗ, nhưng lại tuyên nguyên đơn phải nộp chi phí thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ, không có tài liệu trong hồ sơ thể hiện về việc chi phí cho thẩm định, như vậy là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án này. Từ những sai sót và vi phạm nêu trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do đó cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát và của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Với những phân tích và nhận định như trên, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lương Văn T và bà Nông Thị H, cần hủy bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, đối với án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, điều 148 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lương Văn T, Nông Thị H

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng về “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng giải quyết lại vụ án theo thủ tục dân sự sơ thẩm với thành phần hội đồng xét xử khác.

2. Về án phí: Ông Lương Văn T, bà Nông Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0004068 ngày 04/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Cao Bằng. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- CCTHA huyện K;
- TAND huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như